

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

...., ngày tháng năm

**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP  
CÔNG TY XÂY DỰNG .....**

**I.TỔNG QUAN**

**II.MỤC ĐÍCH THÀNH LẬP**

**III.TÊN GỌI, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH,  
VỐN ĐIỀU LỆ**

1.Tên gọi:

-Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: ...

-Tên gọi bằng tiếng anh: ....

-Tên viết tắt:

2.Loại hình doanh nghiệp:

3.Vốn điều lệ:

4.Vốn pháp định:

5.Ngành nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành nghề                          | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                       | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                 | 4102     |

|     |                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                          | 4211 |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                           | 4212 |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                               | 4221 |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                    | 4222 |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                     | 4223 |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                      | 4229 |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                               | 4291 |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                        | 4292 |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                  | 4293 |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                             | 4299 |
| 14. | Phá dỡ                                                                 | 4311 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                      | 4312 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                  | 4321 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, thang cuốn | 4329 |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động</li> <li>+ Dây dẫn chống sét</li> <li>+ Hệ thống hút bụi</li> <li>+ Hệ thống âm thanh</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |      |
| <b>19.</b> | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330 |
| <b>20.</b> | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390 |
| <b>21.</b> | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( Không kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662 |
| <b>22.</b> | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>– Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</li> <li>– Bán buôn xi măng;</li> <li>– Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</li> <li>– Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>– Bán buôn sơn, vécni;</li> <li>– Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>– Bán buôn đồ ngũ kim;</li> </ul> | 4663 |
| <b>23.</b> | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752 |
| <b>24.</b> | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                      | 4759 |
| <b>25.</b> | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6810 |
| <b>26.</b> | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7120 |

|     |                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất | 7410 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------|

6. Thời gian hoạt động:

7. Địa chỉ trụ sở chính:

8. Tên người đại diện theo pháp luật

#### **IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY:**

#### **V. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

#### **VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**